

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/QĐ-UBND Hà Nam, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế khai thác, quản lý và sử dụng  
Cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính  
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chính  
phủ về chính sách phát triển nghề công chứng;

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ  
Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số /TTr-STP ngày  
tháng năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, khai thác và sử  
dụng Cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2024.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp;  
Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã,  
thành phố; Chủ tịch Hội Công chứng viên tỉnh; các tổ chức hành nghề công  
chứng trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi  
hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Bổ trợ tư pháp, Cục Kiểm tra văn bản  
QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh; Ban Nội chính TU;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Anh Chức**

**QUY CHẾ**  
**QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU CÔNG CHỨNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày .... tháng .... năm 2024  
của UBND tỉnh Hà Nam)

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Sở Tư pháp, các tổ chức hành nghề công chứng, các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Hà Nam

**Điều 2. Nguyên tắc cung cấp thông tin và sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng**

1. Việc cung cấp thông tin cho Cơ sở dữ liệu công chứng phải chính xác, kịp thời. Các tổ chức hành nghề công chứng phải cập nhật, cung cấp thông tin về các hợp đồng, giao dịch mà tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện trên Cơ sở dữ liệu; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin; thường xuyên truy nhập, khai thác, sử dụng thông tin trên cơ sở dữ liệu.
2. Việc sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng phải đúng mục đích, không sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng vào những mục đích trái pháp luật.
3. Các tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan, tổ chức liên quan phối hợp thống nhất trong việc quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng.
4. Việc sửa đổi, nâng cấp hệ thống phần mềm do Sở Tư pháp phối hợp với đơn vị cung ứng phần mềm thực hiện.
5. Các hoạt động quản lý, cung cấp, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu công chứng theo Quy chế này là một hoạt động nghiệp vụ công chứng; không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với người có yêu cầu công chứng.

**Điều 3. Những hành vi bị nghiêm cấm trong Cơ sở dữ liệu công chứng**

1. Thay đổi, xóa bỏ thông tin, làm biến dạng giao diện, sai lệch hệ thống quản trị, thay đổi cấu trúc dữ liệu hoặc các hành vi khác có ảnh hưởng đến Cơ sở dữ liệu công chứng.
2. Cung cấp tài khoản truy cập cho cá nhân, tổ chức không thuộc đối tượng được cung cấp tài khoản. Truy cập bằng tài khoản của người khác hoặc để người khác truy cập bằng tài khoản của mình.

3. Sử dụng thông tin trên Cơ sở dữ liệu công chứng với mục đích trái pháp luật, tiết lộ các thông tin về cá nhân, tổ chức, tài sản và các thông tin khác mà mình biết được trong quá trình quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu. Trừ trường hợp pháp luật có quy định yêu cầu cung cấp thông tin.

## **CHƯƠNG II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Cấp, quản lý, sử dụng tài khoản**

1. Tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản truy cập vào Cơ sở dữ liệu công chứng gồm:

a) Lãnh đạo Sở Tư pháp, trưởng, phó, công chức phòng Hành chính - Bộ trợ tư pháp, công chức khác được phân công quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng.

b) Các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh.

2. Tài khoản truy cập vào Cơ sở dữ liệu công chứng sẽ bị xóa hoặc tạm dừng trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức hành nghề công chứng được chuyển nhượng, giải thể hoặc bị chấm dứt hoạt động.

b) Cá nhân thay đổi công tác, nghỉ việc hoặc nghỉ hưu.

c) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm tại Điều 4 của Quy chế.

3. Tài khoản bị tạm dừng sẽ được mở khóa khi tổ chức, cá nhân chấm dứt hành vi vi phạm hoặc khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

4. Sở Tư pháp thực hiện việc quản lý, cấp tài khoản cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của Quy chế.

#### **Điều 5. Cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin ngăn chặn và giải tỏa ngăn chặn**

1. Tòa án nhân dân các cấp cung cấp thông tin bằng văn bản các Quyết định ngăn chặn, Quyết định giải tỏa ngăn chặn gửi đến Sở Tư pháp để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu công chứng.

2. Viện Kiểm sát nhân dân các cấp cung cấp thông tin bằng văn bản các Quyết định có liên quan đến việc kê biên tài sản, chấm dứt kê biên tài sản, Quyết định ngăn chặn, Quyết định giải tỏa ngăn chặn gửi đến Sở Tư pháp để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu công chứng.

3. Cơ quan Thi hành án dân sự cung cấp thông tin bằng văn bản các Quyết định có liên quan đến việc kê biên tài sản, chấm dứt kê biên tài sản, Quyết định ngăn chặn, Quyết định giải tỏa ngăn chặn gửi đến Sở Tư pháp để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu công chứng.

4. Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp cung cấp thông tin bằng văn bản các Quyết định ngăn chặn, Quyết định giải tỏa ngăn chặn gửi đến Sở Tư pháp để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu công chứng.

5. Các Sở, ngành, UBND các cấp cung cấp thông tin bằng văn bản các Quyết định thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gửi đến Sở Tư pháp để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu công chứng.

#### **Điều 6. Cơ quan tiếp nhận, nội dung cập nhật thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn trong Cơ sở dữ liệu công chứng**

Sở Tư pháp là cơ quan tiếp nhận các văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, thông tin cảnh báo do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp thông tin.

Sau khi tiếp nhận thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn, thông tin cảnh báo, cán bộ phụ trách quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin vào Phần mềm Cơ sở dữ liệu công chứng.

Đối với thông tin giải tỏa ngăn chặn đã có dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu công chứng thì cán bộ phụ trách được giao nhiệm vụ cập nhật phải kiểm tra thông tin giải tỏa ngăn chặn có phù hợp với thông tin ngăn chặn đã có trước đó không thì tiến hành thực hiện việc giải tỏa ngăn chặn. Trường hợp thông tin giải tỏa ngăn chặn không phù hợp với thông tin ngăn chặn trước đó thì phải báo cáo lãnh đạo Sở Tư pháp để chuyển trả lại thông tin giải tỏa ngăn chặn đó cho cơ quan, tổ chức đã cung cấp thông tin và nêu rõ lý do trả lại.

#### **Điều 7. Nội dung, thời hạn cập nhật thông tin hợp đồng, giao dịch đã công chứng vào Cơ sở dữ liệu công chứng**

Các tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm cập nhật kịp thời thông tin về hợp đồng, giao dịch đã được công chứng tại tổ chức mình vào Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu công chứng sau khi Hợp đồng, giao dịch được công chứng viên chứng nhận, ký tên và đóng dấu vào sổ Công chứng.

Nội dung cơ bản của hợp đồng, giao dịch phải được cập nhật đầy đủ bao gồm các thông tin về chủ thể của hợp đồng, về tài sản giao dịch, tên loại hợp đồng, số công chứng, ngày công chứng và các thông tin khác có liên quan.

Trường hợp các tổ chức hành nghề công chứng cập nhật không đầy đủ, kịp thời, chính xác dẫn đến hậu quả pháp lý thì tổ chức hành nghề công chứng và công chứng viên phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Thời hạn nhập dữ liệu: Ngay trong ngày ký văn bản công chứng.

#### **Điều 8. Sửa đổi các thông tin đã nhập trong Cơ sở dữ liệu công chứng**

1. Việc sửa đổi các thông tin đã nhập vào Cơ sở dữ liệu công chứng chỉ được thực hiện đối với các sai sót về kỹ thuật trong quá trình nhập thông tin.

2. Đối với các sai sót kỹ thuật được phát hiện trong quá trình nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu công chứng người thực hiện nhập chủ động sửa chữa cho chính xác.

3. Đối với các sai sót kỹ thuật được phát hiện sau khi thông tin đã đưa lên Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực. Người thực hiện nhập phải báo cáo ngay với cán bộ phụ trách phần mềm kiểm tra và tiến hành sửa chữa sai sót cho chính xác.

### **Điều 9. Trách nhiệm tra cứu thông tin trên Cơ sở dữ liệu công chứng**

1. Khi thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch các tổ chức hành nghề công chứng phải có trách nhiệm tra cứu trên Cơ sở dữ liệu công chứng để kiểm tra thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản, thông tin ngăn chặn liên quan đến tài sản.

2. Cách thức tra cứu thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật của người quản trị phần mềm Cơ sở dữ liệu công chứng.

3. Trường hợp tra cứu tài sản giao dịch có trong danh sách ngăn chặn thì công chứng viên không thực hiện việc công chứng.

4. Trường hợp phát hiện giao dịch đang được thực hiện công chứng tại nhiều nơi, thông tin về tài sản, chủ sở hữu hay người tham gia giao dịch không phù hợp hoặc các thông tin khác không rõ ràng, Công chứng viên có quyền từ chối công chứng.

5. Các tình huống phát sinh cụ thể khác, các tổ chức hành nghề công chứng tổng hợp, báo cáo Sở Tư pháp hướng dẫn giải quyết.

### **Điều 10. Khai thác và sử dụng dữ liệu trên Phần mềm Cơ sở dữ liệu công chứng**

1. Tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên và nhân viên tổ chức hành nghề công chứng được khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng phục vụ trong hoạt động công chứng.

2. Sở Tư pháp được khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về công chứng trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức hành nghề công chứng**

1. Trưởng tổ chức, công chứng viên và nhân viên các tổ chức hành nghề công chứng có các quyền sau:

a) Được tra cứu, khai thác, sử dụng các thông tin trên Cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định của pháp luật.

b) Được tạo tài khoản truy cập vào Phần mềm Cơ sở dữ liệu công chứng.

c) Đề nghị Sở Tư pháp cấp, xóa hoặc thay đổi thông tin, cấp lại tài khoản cho tổ chức hành nghề công chứng của mình.

d) Đảm bảo về hệ thống đường truyền cho việc vận hành tốt Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu công chứng.

d) Được quản trị viên hệ thống hỗ trợ nghiệp vụ khi tham gia vào Cơ sở dữ liệu công chứng.

2. Công chứng viên, viên chức và nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm:

a) Tham gia vào Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu công chứng, cập nhật đầy đủ các thông tin liên quan đến tài sản đã được công chứng theo sự phân công của Trưởng tổ chức hành nghề công chứng; đảm bảo kết nối các thông tin hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản với tất cả các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh và khai thác cơ sở dữ liệu về ngăn chặn tài sản nhằm ngăn ngừa rủi ro trong nghiệp vụ công chứng như: Công chứng nhiều giao dịch với cùng một tài sản hoặc công chứng tài sản đã bị ngăn chặn.

b) Chịu trách nhiệm trước Trưởng tổ chức hành nghề công chứng về việc nhập, xóa, sửa chữa các thông tin do mình nhập trên Cơ sở dữ liệu công chứng.

c) Tra cứu các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn và thông tin về các hợp đồng giao dịch đã công chứng trong Cơ sở dữ liệu công chứng để cung cấp kết quả cho Trưởng tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về kết quả tra cứu đã cung cấp.

d) Tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng khi được phân công.

đ) Kịp thời thông tin cho Trưởng tổ chức hành nghề công chứng các vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu công chứng.

### **CHƯƠNG III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 12: Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành, sửa đổi các quy định về việc quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng.

3. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nội dung trong Quy chế này. Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy chế và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Thực hiện việc cấp và xóa tài khoản, tổ chức quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng.

##### **Điều 13. Trách nhiệm của Hội Công chứng viên**

1. Phối hợp với Sở Tư pháp triển khai đồng bộ, kịp thời trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng.

2. Có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra, giám sát các tổ chức hành nghề công chứng cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng kịp thời, đúng quy định góp phần nâng cao chất lượng hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh. Khi phát hiện tổ chức hành nghề công chứng vi phạm về việc cập nhật Cơ sở dữ liệu

công chứng hoặc có hành vi vi phạm khác liên quan đến Cơ sở dữ liệu công chứng, làm ảnh hưởng đến hoạt động công chứng, quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân tổ chức, an toàn pháp lý trong các hợp đồng, giao dịch thì phải thông tin kịp thời đến Sở Tư pháp để có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chỉ đạo đơn vị trực thuộc kịp thời thông báo đến Sở Tư pháp các thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn trong phạm vi thẩm quyền giải quyết của mình.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

Phối hợp với Sở Tư pháp quản lý hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành và lưu trữ Cơ sở dữ liệu công chứng, đảm bảo hoạt động ổn định phục vụ cho hoạt động khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức.

#### **Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí nâng cấp Cơ sở dữ liệu công chứng theo chức năng, nhiệm vụ để triển khai Cơ sở dữ liệu công chứng được thuận lợi, đạt hiệu quả cao.

#### **Điều 17. Các cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin**

1. Các cơ quan: Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Công an, Thi hành án dân sự các cấp; các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã phối hợp thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc kịp thời cung cấp nội dung các thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa liên quan đến việc công chứng hợp đồng, giao dịch trong phạm vi thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình.

2. Công an tỉnh Hà Nam chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc đảm bảo an toàn an ninh thông tin về phần mềm Cơ sở dữ liệu công chứng đến Sở Tư pháp.

#### **Điều 18. Trách nhiệm của Trưởng các tổ chức hành nghề công chứng**

1. Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung theo Quy chế này.

2. Đề xuất, kiến nghị những giải pháp nhằm quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu công chứng.

#### **Điều 19. Xử lý vi phạm**

1. Tổ chức hành nghề công chứng không thực hiện việc nhập dữ liệu thông tin về hợp đồng giao dịch kịp thời, chính xác sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nếu vi phạm Quy chế sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật trong từng trường hợp cụ thể.

#### **Điều 20. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để phối hợp xử lý./.

